CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ДОГОВОР АРЕНДЫ АВТОМОБИЛЯ БЕЗ ВОДИТЕЛЯ

HỢP ĐỒNG CHO THUÊ XE TỰ LÁI

для иностранного гражданина / *dành cho công dân nước ngoài*

№ / Số: _____ г. Нячанг, Кханьхоа / Nha Trang, Khánh Hòa Дата / Ngày: ____ / ____ / 2026

АРЕНДОДАТЕЛЬ (Сторона А) / BÊN A (Bên cho thuê) — VietAvto

ФИО представителя / *Họ tên người đại diện* _____

Паспорт / ID № / *Số hộ chiếu / CCCD* _____ Телефон / *Số điện thoại* _____

VietAvto · vietavto.pro · WhatsApp +7 904 118-88-97 · Telegram @workminer

АРЕНДАТОР (Сторона Б) / BÊN B (Bên thuê xe)

Фамилия, имя (как в паспорте) / *Họ và tên (theo hộ chiếu)* _____

Дата рождения / *Ngày sinh* _____ Гражданство / *Quốc tịch* _____

Паспорт: серия / *Hộ chiếu: sê-ri* _____ номер / *số* _____

Кем выдан / *Nơi cấp* _____ Дата выдачи / *Ngày cấp* _____

Паспорт действителен до / *Hộ chiếu có giá trị đến* _____ Виза / дата въезда / *Thị thực / ngày nhập cảnh* _____

Нац. права № / *Số GPLX quốc gia* _____ Категория, срок / *Hạng, thời hạn* _____

Междунар. права (МВУ) № / *Số GPLX quốc tế (IDP)* _____ Дата выдачи / *Ngày cấp* _____

Адрес в Нячанге (отель / квартира, №) / *Địa chỉ tại Nha Trang (khách sạn / căn hộ, số phòng)* _____

Телефон / *Số điện thoại* _____ WhatsApp / Telegram / *Zalo / WhatsApp / Telegram* _____

Доп. водитель: ФИО, паспорт, права / *Người lái phụ: họ tên, hộ chiếu, GPLX* _____

1. АВТОМОБИЛЬ / XE CHO THUÊ

Марка, модель / *Hiệu xe, mẫu xe* _____ Год выпуска / *Năm sản xuất* _____

Госномер / *Biển số* _____ Цвет / *Màu* _____

Вместе с машиной передаются: свидетельство о регистрации, полис обязательного страхования ответственности, свидетельство о техосмотре. / *Kèm theo xe: giấy chứng nhận đăng ký xe, bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc, giấy chứng nhận kiểm định.*

2. СРОК, ЦЕНА, ДЕПОЗИТ / THỜI HẠN, GIÁ THUÊ, TIỀN CỌC

Получение: дата, время / *Nhận xe: ngày, giờ* _____ Возврат: дата, время / *Trả xe: ngày, giờ* _____

Место получения / возврата / *Địa điểm nhận / trả xe* _____

Цена за сутки, ₫ / *Giá thuê / ngày, ₫* _____ Суток / *Số ngày* _____

Доставка, ₫ / *Phí giao xe, ₫* _____ ИТОГО аренда, ₫ / *TỔNG tiền thuê, ₫* _____

Депозит / *Tiền cọc*: ☐ **$200** — только по провинции Кханьхоа / *chỉ đi trong tỉnh Khánh Hòa* ☐ **$400** — по всему Вьетнаму / *đi khắp Việt Nam*

Получено депозита / *Đã nhận cọc* _____ Способ оплаты / *Hình thức thanh toán* _____

3. Оплата и срок аренды

- Аренда оплачивается после подписания договора и осмотра автомобиля.
- **Аренда на 1 день — с 7:00 до 19:00 того же дня** (это 1 сутки аренды); на 2 суток и более — возврат до 22:00 последнего дня аренды.
- **При досрочном возврате деньги за неиспользованные дни не возвращаются**: владелец отказал другим клиентам на эти даты.
- Продление — сообщить Стороне А не позднее чем за 24 часа; оплата по тарифу.

3. Thanh toán và thời hạn thuê

- Tiền thuê được thanh toán sau khi ký hợp đồng và kiểm tra xe.
- **Thuê 1 ngày — từ 7:00 đến 19:00 cùng ngày** (tính là 1 ngày thuê); thuê từ 2 ngày trở lên: trả xe trước 22:00 ngày cuối cùng.
- **Trả xe sớm sẽ không được hoàn lại tiền những ngày chưa sử dụng**, vì chủ xe đã không nhận khách khác trong những ngày này.
- Gia hạn — báo trước cho Bên A ít nhất 24 giờ; tính theo giá thuê ngày.

4. Депозит и поездки

- **$200** — поездки только по провинции Кханьхоа. Возвращается полностью при сдаче, если нет повреждений, штрафов, перепробега и недостающего топлива.
- **$400** — поездки по всему Вьетнаму (Далат, Куинён, Фантьет, Ниньтхуан и т. д.). При сдаче возвращается **$200**, остальные **$200 — через 30 дней**: штрафы с камер приходят с задержкой. Штраф, подтверждённый протоколом, удерживается, остаток возвращается.
- Выезд за пределы Кханьхоа с депозитом $200 — только после доплаты депозита до $400 и уведомления Стороны А. Выезд за пределы Вьетнама запрещён.
- Из депозита удерживаются: ремонт повреждений, штрафы ПДД, перепробег, топливо. Если сумма больше депозита — Сторона Б доплачивает разницу.

5. Пробег и топливо

- Лимит — **250 км в сутки, суммируется за весь срок** (лимит = 250 км × число суток; 30 суток = 7 500 км).
- Каждый км сверх лимита — **5 000 ₫**.
- Вернуть автомобиль с тем же уровнем топлива (бензин RON95 / A95) или заряда батареи (электромобиль); недостача оплачивается.

6. Обязанности Стороны А

- Передать исправный, укомплектованный автомобиль и документы в оговорённое время и место.
- Отвечать за законность происхождения автомобиля и право собственности на него.
- Оплачивать страховку и техосмотр, если их срок наступит во время аренды.

7. Обязанности Стороны Б

- Осмотреть автомобиль при получении и подписать акт приёма-передачи.
- Соблюдать ПДД Вьетнама. Штрафы ПДД, парковки и платные дороги за время аренды — за счёт Стороны Б, в том числе пришедшие позже.
- Не передавать управление третьим лицам (кроме вписанного доп. водителя), не управлять в состоянии опьянения, не использовать автомобиль для такси / Grab, гонок, обучения вождению, перевозки запрещённых грузов (наркотики, контрабанда и т. п.) и иных нарушений закона.
- Не курить в салоне.
- При ДТП или повреждении — полностью оплатить ремонт. Вмятины, трещины, повреждения крыши, деформацию деталей по вине Стороны Б — заменить **оригинальными деталями производителя** (рихтовка, сварка не принимаются).
- Не ремонтировать автомобиль самостоятельно без согласия Стороны А.

4. Tiền cọc và phạm vi di chuyển

- **$200** — chỉ được đi trong tỉnh Khánh Hòa. Hoàn trả toàn bộ khi trả xe nếu xe không hư hỏng, không có phạt, không vượt km và không thiếu xăng.
- **$400** — được đi khắp Việt Nam (Đà Lạt, Quy Nhơn, Phan Thiết, Ninh Thuận…). Hoàn **$200** khi trả xe, **$200 còn lại sau 30 ngày** vì phạt nguội đến chậm. Tiền phạt có biên bản phạt nguội sẽ được trừ, phần còn lại hoàn trả.
- Đi ra ngoài tỉnh Khánh Hòa với cọc $200 chỉ khi đã bổ sung cọc lên $400 và báo cho Bên A. Cấm đưa xe ra khỏi Việt Nam.
- Trừ vào tiền cọc: chi phí sửa chữa hư hỏng, tiền phạt giao thông, phí vượt km, tiền xăng. Nếu vượt quá tiền cọc, Bên B trả thêm phần chênh lệch.

5. Số km và nhiên liệu

- Giới hạn **250 km/ngày, cộng dồn cho toàn bộ thời gian thuê** (giới hạn = 250 km × số ngày; 30 ngày = 7.500 km).
- Mỗi km vượt giới hạn — **5.000 ₫**.
- Trả xe với mức xăng (RON95 / A95) hoặc mức pin (xe điện) như lúc nhận; thiếu sẽ tính tiền.

6. Trách nhiệm của Bên A

- Giao xe hoạt động tốt, đầy đủ phụ kiện và giấy tờ, đúng thời gian và địa điểm đã thỏa thuận.
- Chịu trách nhiệm pháp lý về nguồn gốc và quyền sở hữu của xe.
- Mua bảo hiểm và đăng kiểm xe nếu đến hạn trong thời gian thuê.

7. Trách nhiệm của Bên B

- Kiểm tra xe khi nhận và ký biên bản giao nhận xe.
- Tuân thủ luật giao thông Việt Nam. Tiền phạt giao thông, phí gửi xe, phí cầu đường trong thời gian thuê do Bên B chịu, kể cả phạt nguội đến sau.
- Không giao xe cho người khác lái (trừ người lái phụ đã ghi trong hợp đồng), không lái xe khi đã uống rượu bia, không dùng xe chạy taxi / Grab, đua xe, dạy lái, vận chuyển hàng cấm (ma túy, hàng lậu…) hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác.
- Không hút thuốc trong xe.
- Khi va chạm hoặc hư hỏng — chịu toàn bộ chi phí sửa chữa. Móp, nứt, vỡ nóc, méo các chi tiết do Bên B gây ra thì Bên B phải mua **đồ chính hãng** thay thế (không chấp nhận gò, hàn…).
- Không tự ý sửa chữa xe khi chưa có sự đồng ý của Bên A.

8. ДТП, поломка, споры

- При ДТП или поломке — сразу сообщить Стороне А (WhatsApp +7 904 118-88-97 · Telegram @workminer), не покидать место, вызвать полицию, сфотографировать.
- Споры решаются переговорами, при недостижении согласия — по законодательству Вьетнама.
- Договор составлен в 2 экземплярах на русском и вьетнамском языках, по одному для каждой стороны, оба имеют одинаковую силу. Подписывая, Сторона Б подтверждает, что прочитала и поняла условия.

8. Tai nạn, hỏng xe, tranh chấp

- Khi xảy ra tai nạn hoặc hỏng xe — báo ngay cho Bên A (WhatsApp +7 904 118-88-97 · Telegram @workminer), không rời khỏi hiện trường, gọi công an, chụp ảnh.
- Tranh chấp được giải quyết bằng thương lượng, nếu không thành thì theo pháp luật Việt Nam.
- Hợp đồng lập thành 02 bản bằng tiếng Nga và tiếng Việt, mỗi bên giữ 01 bản, có giá trị pháp lý như nhau. Khi ký, Bên B xác nhận đã đọc và hiểu các điều khoản.

АКТ ПРИЁМА-ПЕРЕДАЧИ / *BIÊN BẢN GIAO NHẬN XE*

	При выдаче / *Khi giao xe*	При возврате / *Khi trả xe*
Дата, время / *Ngày, giờ*		
Пробег, км / *Số km (đồng hồ)*		
Топливо / заряд, % / *Xăng / pin, %*		
Повреждения / *Hư hỏng, trầy xước*		
Комплект / *Phụ kiện*: ☐ ключ / *chìa khóa* ☐ регистрация / *đăng ký xe* ☐ страховка / *bảo hiểm* ☐ техосмотр / *đăng kiểm* ☐ запаска, домкрат / *lốp dự phòng, kích* ☐ кабель зарядки / *cáp sạc*		
Подпись А / *Chữ ký Bên A*		
Подпись Б / *Chữ ký Bên B*		

Фото / видео автомобиля при выдаче со всех сторон — часть акта. / *Ảnh / video xe lúc giao từ mọi phía là một phần của biên bản.*

ПОДПИСИ СТОРОН / *CHỮ KÝ CÁC BÊN*

СТОРОНА А / *BÊN A* — VietAvto

ФИО */ Họ tên* _____

Подпись */ Chữ ký* _____

Дата */ Ngày* _____

СТОРОНА Б / *BÊN B*

ФИО */ Họ tên* _____

Паспорт: серия, номер */ Số hộ chiếu* _____

Подпись */ Chữ ký* _____

Дата */ Ngày* _____

ЦЕНЫ VIETAVTO / *BẢNG GIÁ VIETAVTO* — аренда без водителя / *thuê xe tự lái*

Авто / *Xe*	Класс / *Loại xe*	Мест / *Chỗ*	Топливо / *Nhiên liệu*	Сутки / *Ngày*	Месяц / *Tháng*
VinFast VF3	Мини-электромобиль */ Ô tô điện mini*	4	электро / điện	**700.000 ₫**	15.000.000 ₫
VinFast VF5	Электрокроссовер */ SUV điện*	5	электро / điện	**800.000 ₫**	19.000.000 ₫
Kia Soluto	Седан */ Sedan*	5	бензин / xăng	**900.000 ₫**	17.000.000 ₫
Mazda3	Седан */ Sedan*	5	бензин / xăng	**900.000 ₫**	18.000.000 ₫
Kia Cerato	Хэтчбек */ Hatchback*	5	бензин / xăng	**900.000 ₫**	18.000.000 ₫
Hyundai Kona	Кроссовер */ SUV*	5	бензин / xăng	**900.000 ₫**	18.000.000 ₫
Toyota Rush	7-местный SUV */ SUV 7 chỗ*	7	бензин / xăng	**1.000.000 ₫**	19.000.000 ₫
Mitsubishi Xpander	7-местный минивэн */ MPV 7 chỗ*	7	бензин / xăng	**1.100.000 ₫**	21.000.000 ₫
Toyota Veloz	7-местный минивэн */ MPV 7 chỗ*	7	бензин / xăng	**1.100.000 ₫**	21.000.000 ₫
Toyota Avanza	7-местный минивэн */ MPV 7 chỗ*	7	бензин / xăng	**1.100.000 ₫**	21.000.000 ₫
Kia Carens	7-местный минивэн */ MPV 7 chỗ*	7	бензин / xăng	**1.100.000 ₫**	21.000.000 ₫
Hyundai Creta	Кроссовер */ SUV*	5	бензин / xăng	**1.150.000 ₫**	22.000.000 ₫
Mitsubishi Xforce	Кроссовер, 2024 */ SUV, 2024*	5	бензин / xăng	**1.150.000 ₫**	22.000.000 ₫
VinFast Lux A2.0	Бизнес-седан */ Sedan hạng sang*	5	бензин / xăng	**1.200.000 ₫**	23.000.000 ₫
Kia Carnival	Минивэн, 7 мест */ MPV 7 chỗ*	7	бензин / xăng	**2.100.000 ₫**	42.000.000 ₫

Депозит $200 (Кханьхоа) / $400 (весь Вьетнам) · 250 км/сутки суммарно, сверх — 5 000 ₫/км · от 3 месяцев — дешевле. / *Cọc $200 (Khánh Hòa) / $400 (toàn Việt Nam) · 250 km/ngày cộng dồn, vượt — 5.000 ₫/km · thuê từ 3 tháng — rẻ hơn.*

vietavto.pro · WhatsApp +7 904 118-88-97 · Telegram @workminer · t.me/vietavto